

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP  
TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 71 /TNFS-TCKT  
“V/v: giải trình ý kiến từ chối  
đưa ra kết luận của kiểm toán  
viên”

Phú Mỹ, ngày 14 tháng 08 năm 2020

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ thông tư 155/2015/TT- BTC về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2020 của Công Ty Cổ Phần Thép Tâm Lá Thống Nhất (TNFS) đã được soát xét bởi Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.  
TNFS xin giải trình về ý kiến từ chối đưa ra kết luận của kiểm toán viên liên quan đến chi phí lãi vay các hợp đồng tín dụng của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB), chi phí lãi vay của Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (CFC), lãi bảo lãnh của Tổng Công Ty Thép Việt Nam- CTCP (VNS) và chi phí lãi chậm trả mua hàng của công ty TNHH Thép MTV Thép Tâm Lá Phú Mỹ ( PFS) như sau :
  - Do tình hình tài chính khó khăn nên TNFS đã làm việc với VNS và PFS về kế hoạch trả nợ và việc không tính lãi cho khoản dư nợ vào BCTC năm 2016, 2017, 2018 và năm 2019.
  - Đối với 2 đơn vị tài chính là VCB và CFC, TNFS cũng chỉ tập trung trả nợ gốc nên trong 6 tháng đầu năm 2020, TNFS không hạch toán chi phí lãi vay của VCB, CFC. Do đó Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 2020 của TNS có kết quả khả quan hơn.
  - Xin trân trọng và cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Chữ ký, đóng dấu)  
  
Nguyễn Huy Thọ

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP  
TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70 /TNFS-TCKT

Phú Mỹ, ngày 14 tháng 08 năm 2020

“V/v: giải trình chênh lệch LNST  
trên 10% BCKQHĐKD bán niên  
2020 đã kiểm toán so với cùng kỳ”

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần thép tấm lá Thống Nhất (TNFS) xin giải trình về nguyên nhân chênh lệch trên 10% Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 tăng hơn so với 6 tháng đầu năm 2019 chủ yếu là do các nguyên nhân sau:

- Sản lượng sản xuất 6 tháng đầu năm 2020 tăng 19% và sản lượng tiêu thụ tăng 26% so với cùng kỳ.
- Chi phí tài chính 6 tháng đầu năm 2020 giảm 94% (chi phí lãi vay) so với cùng kỳ là do công ty không hạch toán vào chi phí và chỉ tập trung trả nợ gốc.

Với các nguyên nhân chủ yếu trên dẫn đến LNST 6 tháng đầu năm 2020 của TNFS tăng hơn 135% so với cùng kỳ 2019.

Xin trân trọng và cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Chữ ký, đóng dấu)  
  
Nguyễn Huy Thọ

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(đã được soát xét)



## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-32
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-32



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 07 tháng 01 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Ủy viên
Ông Lê Việt	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Thọ	Ủy viên
Bà Trần Thanh Hương	Ủy viên
Ông Lại Văn Quyền	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Thọ	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thúy Trinh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Huy Thọ  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2020



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được lập ngày 15 tháng 07 năm 2020, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Công ty chưa thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP và chi phí lãi chậm trả với Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel lũy kế đến 31/12/2019 là 33,38 tỷ đồng, trong đó chi phí năm 2016; năm 2017; năm 2018 và năm 2019 chưa ghi nhận lần lượt là 9,5 tỷ đồng; 8,4 tỷ đồng; 7,7 tỷ đồng và 7,6 tỷ đồng. Điều này dẫn đến trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2020 chỉ tiêu "Chi phí phải trả" đang phản ánh thiếu và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đang phản ánh thừa với cùng số tiền 33,38 tỷ đồng. Đối với chi phí lãi vay phát sinh 6 tháng đầu năm 2020, Công ty đang tiến hành thỏa thuận với các chủ nợ nhằm giãn nợ, giảm lãi phải trả. Các bên vẫn đang trong quá trình thương thảo và đàm phán do đó chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2020.

Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020 cho thấy nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 222,82 tỷ đồng, lỗ lũy kế của Công ty là 203,03 tỷ đồng vượt quá vốn chủ sở hữu 2,26 tỷ đồng, tổng số nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 268,2 tỷ đồng. Công ty chưa đạt được thỏa thuận mới đáng kể nào về việc giãn nợ. Do đó Công ty sẽ chưa thể thu xếp được nguồn tài chính để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong điều kiện hoạt động như hiện tại. Các dấu hiệu trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

#### Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Thép Tâm lá Thống Nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>77.598.080.940</b>	<b>68.392.577.075</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>22.297.215.930</b>	<b>17.828.849.739</b>
111	1. Tiền		18.297.215.930	15.814.451.321
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	2.014.398.418
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>7.594.631.104</b>	<b>2.925.466.216</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	654.008.234	190.040.128
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	2.280.735.489	971.912.200
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	4.659.887.381	1.763.513.888
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	7	<b>46.966.834.044</b>	<b>46.832.735.233</b>
141	1. Hàng tồn kho		46.966.834.044	46.832.735.233
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>739.399.862</b>	<b>805.525.887</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	666.570.152	734.356.648
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		18.170.209	18.614.474
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	54.659.501	52.554.765
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>304.539.863.749</b>	<b>320.742.864.359</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>280.816.409.592</b>	<b>296.271.254.012</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	280.816.409.592	296.271.254.012
222	- Nguyên giá		540.710.389.697	540.620.465.697
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(259.893.980.105)	(244.349.211.685)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>23.723.454.157</b>	<b>24.471.610.347</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	23.723.454.157	24.471.610.347
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>382.137.944.689</b>	<b>389.135.441.434</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>384.397.744.809</b>	<b>394.979.903.905</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>300.417.254.843</b>	<b>310.699.413.939</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	78.574.831.905	81.417.895.381
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	126.033.636	4.672.840.156
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2.883.249.625	275.200.796
314	4. Phải trả người lao động		1.144.048.786	1.777.684.184
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	19.319.023.755	18.613.005.589
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	83.008.142.934	82.823.704.321
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	115.242.475.035	120.995.703.705
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		119.449.167	123.379.807
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>83.980.489.966</b>	<b>84.280.489.966</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	83.980.489.966	84.280.489.966
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(2.259.800.120)</b>	<b>(5.844.462.471)</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>(2.259.800.120)</b>	<b>(5.844.462.471)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		769.839.744	769.839.744
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(203.029.639.864)	(206.614.302.215)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(206.614.302.215)	(176.311.739.887)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		3.584.662.351	(30.302.562.328)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>382.137.944.689</b>	<b>389.135.441.434</b>

Võ Thị Thủy  
Người lập

Trần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởngNguyễn Huy Thọ  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**


KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam


Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng	06 tháng
			đầu năm 2020	đầu năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	500.127.136.810	563.134.283.249
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	43.110.958	5.016.483.411
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		500.084.025.852	558.117.799.838
11	4. Giá vốn hàng bán	20	491.878.012.357	558.871.881.968
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.206.013.495	(754.082.130)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	111.842.209	53.687.706
22	7. Chi phí tài chính	22	317.236.401	5.282.017.544
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	4.800.215.785
25	8. Chi phí bán hàng	23	872.741.494	842.134.574
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	3.542.766.972	3.117.179.778
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.585.110.837	(9.941.726.320)
31	11. Thu nhập khác	25	188.593.653	-
32	12. Chi phí khác	26	189.042.139	355.082.782
40	13. Lợi nhuận khác		(448.486)	(355.082.782)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.584.662.351	(10.296.809.102)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>3.584.662.351</u>	<u>(10.296.809.102)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	179	(515)

  
Võ Thị Thủy  
Người lập

  
Trần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Huy Thọ  
Tổng Giám đốc



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng	06 tháng
			đầu năm 2020	đầu năm 2019
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.584.662.351	(10.296.809.102)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		15.544.768.420	13.937.642.598
03	- Các khoản dự phòng		-	(1.137.304.255)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		311.227.811	467.928.236
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(82.914.780)	(53.687.706)
06	- Chi phí lãi vay		-	4.800.215.785
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.357.743.802	7.717.985.556
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.661.549.184)	189.799.647
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(134.098.811)	(55.626.703.154)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4.594.591.973)	65.052.347.395
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		815.942.686	(3.398.674.495)
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	80.091.511
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.930.640)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.779.515.880	14.014.846.460
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(89.924.000)	-
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		73.330.151	53.687.706
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(16.593.849)	53.687.706
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(6.294.555.840)	(2.290.678.605)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(6.294.555.840)	(2.290.678.605)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.468.366.191	11.777.855.561
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		17.828.849.739	11.168.248.187
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	16.370
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		22.297.215.930	22.946.120.118

Võ Thị Thủy  
Người lập  
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2020

Trần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Thọ  
Tổng Giám đốc





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 07 tháng 01 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tại thời điểm 30/06/2020, lỗ lũy kế của Công ty là 203,03 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu bị âm 2,26 tỷ đồng, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 222,82 tỷ đồng, các khoản nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 268,2 tỷ đồng. Tuy nhiên các khoản nợ vay ngân hàng của Công ty được Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP bảo lãnh và các khoản nợ khác của Công ty với các đơn vị trong cùng Tổng Công ty được cho trả dần nợ trong nhiều năm cho đến khi Công ty có đủ khả năng trả nợ. Các hợp đồng sản xuất và gia công vẫn đảm bảo cho Công ty huy động đủ nguồn vốn để thanh toán lãi và nợ gốc đến hạn. Do vậy Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2020 được lập dựa trên giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục là phù hợp.

Trong kỳ, Công ty đẩy mạnh hoạt động gia công cuộn cán nguội. Theo đó, hoạt động gia công có doanh thu thấp tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận cao hơn hoạt động sản xuất thành phẩm. Do đó, tuy doanh thu 06 tháng đầu năm của Công ty giảm 11% nhưng lợi nhuận gộp không còn bị lỗ và đạt mức tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu là 1,64%.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.8 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.9 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm



**2.10 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



**2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.17 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**2.22 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**2.23 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	452.701.214	441.979.090
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.844.514.716	15.372.472.231
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	2.014.398.418
	<b>22.297.215.930</b>	<b>17.828.849.739</b>

Tại ngày 30/06/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 4.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu với lãi suất 4%/năm.

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	-	-	107.324.432	-
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Tôn Tân Phước Khanh	42.619.200	-	42.619.200	-
Công ty Cổ phần Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long	571.292.538	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	40.096.496	-	40.096.496	-
	<b>654.008.234</b>	<b>-</b>	<b>190.040.128</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH STD & D	267.999.400	-	267.999.400	-
Công ty TNHH Cơ khí Thương mại Lê Duyên	117.731.790	-	149.688.000	-
Ecco Roller Blobal Co. Ltd	238.009.500	-	240.429.800	-
Powermax Coparation	1.169.100.800	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	487.893.999	-	313.795.000	-
	<b>2.280.735.489</b>	<b>-</b>	<b>971.912.200</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.705.177	-	2.120.548	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	3.814.925	-	3.814.925	-
Tạm ứng	274.102.997	-	219.130.153	-
Ký cược, ký quỹ (*)	4.270.063.619	-	1.484.242.228	-
Phải thu khác	100.200.663	-	54.206.034	-
	<b>4.659.887.381</b>	<b>-</b>	<b>1.763.513.888</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản ký cược, ký quỹ bằng hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam cho hợp đồng mua hàng số 01TNF-ECCO/2020.

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	42.238.328.449	-	43.302.166.607	-
Công cụ, dụng cụ	28.080.629	-	15.881.776	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.316.547.338	-	3.458.376.000	-
Thành phẩm	383.877.628	-	52.105.850	-
Hàng hoá	-	-	4.205.000	-
	<b>46.966.834.044</b>	<b>-</b>	<b>46.832.735.233</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	74.852.755.884	444.684.042.360	19.925.625.063	1.158.042.390	540.620.465.697
- Mua trong kỳ	-	-	-	89.924.000	89.924.000
Số dư cuối kỳ	<b>74.852.755.884</b>	<b>444.684.042.360</b>	<b>19.925.625.063</b>	<b>1.247.966.390</b>	<b>540.710.389.697</b>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	19.117.328.751	205.233.030.824	18.944.678.183	1.054.173.927	244.349.211.685
- Khấu hao trong kỳ	1.097.391.629	13.656.879.166	758.270.581	32.227.044	15.544.768.420
Số dư cuối kỳ	<b>20.214.720.380</b>	<b>218.889.909.990</b>	<b>19.702.948.764</b>	<b>1.086.400.971</b>	<b>259.893.980.105</b>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	55.735.427.133	239.451.011.536	980.946.880	103.868.463	296.271.254.012
Tại ngày cuối kỳ	<b>54.638.035.504</b>	<b>225.794.132.370</b>	<b>222.676.299</b>	<b>161.565.419</b>	<b>280.816.409.592</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 280.637.982.137 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.700.462.688 đồng.

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	76.013.966	273.349.355
Chi phí sửa chữa ngắn hạn	391.802.649	219.216.667
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	198.753.537	241.790.626
	<b>666.570.152</b>	<b>734.356.648</b>
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ và sửa chữa máy	8.360.426.009	13.046.850.128
Trục cán thép và phụ tùng trục cán	15.363.028.148	11.198.925.213
Chi phí trả trước dài hạn khác	225.835.006	225.835.006
	<b>23.723.454.157</b>	<b>24.471.610.347</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	23.954.729.136	23.954.729.136	23.875.707.937	23.875.707.937
- Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh - Vnsteel(*)	44.803.673.636	44.803.673.636	45.403.673.636	45.403.673.636
- Phải trả các đối tượng khác	9.816.429.133	9.816.429.133	12.138.513.808	12.138.513.808
	<b>78.574.831.905</b>	<b>78.574.831.905</b>	<b>81.417.895.381</b>	<b>81.417.895.381</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
- Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh - Vnsteel	44.803.673.636	44.803.673.636	45.403.673.636	45.403.673.636
- Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	23.235.810.339	23.235.810.339	23.875.707.937	23.875.707.937
- Phải trả các đối tượng khác	2.183.266.498	2.183.266.498	2.183.266.498	2.183.266.498
	<b>70.222.750.473</b>	<b>70.222.750.473</b>	<b>71.462.648.071</b>	<b>71.462.648.071</b>
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
	<b>46.986.940.134</b>	<b>-</b>	<b>47.586.940.134</b>	<b>-</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>				

**11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Sản xuất Vĩnh Tiến Phát	53.148.817	-
Công ty Tôn Phương Nam	-	4.499.999.993
Người mua trả tiền trước khác	72.884.819	172.840.163
	<b>126.033.636</b>	<b>4.672.840.156</b>
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>4.499.999.993</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		275.200.796		3.175.350.564		567.301.735		-		2.883.249.625	
Thuế Thu nhập cá nhân	52.554.765		-		41.876.265		43.981.001		54.659.501		-	
Thuế bảo vệ môi trường	-		-		29.600.000		29.600.000		-		-	
Các loại thuế khác	-		-		5.000.000		5.000.000		-		-	
	<b>52.554.765</b>		<b>275.200.796</b>		<b>3.251.826.829</b>		<b>645.882.736</b>		<b>54.659.501</b>		<b>2.883.249.625</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí lãi vay (*)	18.394.014.788	18.365.051.548
- Chi phí phải trả khác	925.008.967	247.954.041
	<b>19.319.023.755</b>	<b>18.613.005.589</b>

(\*) Tại thời điểm 30/06/2020, Chi phí lãi vay bao gồm lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt 14.670.245.390 đồng và lãi vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 3.723.769.398 đồng. Số liệu này được xác định dựa trên số dư nợ gốc và lãi suất đối với từng hợp đồng vay.

**14 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	21.592.712	10.475.378
- Bảo hiểm xã hội	113.623.743	2.279.836
- Bảo hiểm y tế	1.955.723	1.955.723
- Phải trả lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	17.314.929.048	17.287.690.187
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	11.956.080.023	11.942.689.937
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	20.188.142.638	20.188.142.638
- Lãi chậm trả công nợ Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	10.777.915.506	10.777.915.506
- Lãi chậm trả công nợ Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	10.158.875.813	10.158.875.813
- Lãi chậm trả công nợ Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL	12.347.582.441	12.347.582.441
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	127.445.287	106.096.862
	<b>83.008.142.934</b>	<b>82.823.704.321</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Lãi vay chậm trả	49.459.151.709	49.418.522.762
- Lãi chậm trả công nợ	33.284.373.760	33.284.373.760
	<b>82.743.525.469</b>	<b>82.702.896.522</b>
<b>c) Phải trả khác là các bên liên quan</b>	<b>58.439.863.005</b>	<b>58.412.624.144</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**15 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>120.995.703.705</b>	<b>120.995.703.705</b>	<b>247.335.760</b>	<b>6.000.564.430</b>	<b>115.242.475.035</b>	<b>115.242.475.035</b>
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) <sup>(1)</sup>	104.913.922.433	104.913.922.433	247.335.760	5.000.564.430	100.160.693.763	100.160.693.763
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(2)</sup>	16.081.781.272	16.081.781.272	-	1.000.000.000	15.081.781.272	15.081.781.272
	<b>120.995.703.705</b>	<b>120.995.703.705</b>	<b>247.335.760</b>	<b>6.000.564.430</b>	<b>115.242.475.035</b>	<b>115.242.475.035</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) <sup>(1)</sup>	104.913.922.433	104.913.922.433	247.335.760	5.000.564.430	100.160.693.763	100.160.693.763
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(2)</sup>	16.081.781.272	16.081.781.272	-	1.000.000.000	15.081.781.272	15.081.781.272
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP <sup>(3)</sup>	84.280.489.966	84.280.489.966	-	300.000.000	83.980.489.966	83.980.489.966
	<b>205.276.193.671</b>	<b>205.276.193.671</b>	<b>247.335.760</b>	<b>6.300.564.430</b>	<b>199.222.965.001</b>	<b>199.222.965.001</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(120.995.703.705)	(120.995.703.705)			(115.242.475.035)	(115.242.475.035)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>84.280.489.966</b>	<b>84.280.489.966</b>			<b>83.980.489.966</b>	<b>83.980.489.966</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(1) Khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) bao gồm 02 hợp đồng, chi tiết:

(i) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.01 và CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.02 ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000 USD;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020 là 3.447.531 USD, tương đương với 80.327.472.300 đồng; toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 242/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

(ii) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 55.340.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư dự án bao gồm: các chi phí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu tư dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên của Ngân hàng Vietcombank và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020: 19.833.221.463 đồng; toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

(2) Hợp đồng tín dụng số VCB.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 30/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 77.310.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư dự án bao gồm: các chi phí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu tư dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020: 15.081.781.272 đồng; toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự Án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

(3) Khoản vay Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP:

Đây là khoản Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty đối với các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; lãi suất là 6,5%/năm. Số dư tại ngày 30/06/2020 là 83.980.489.966 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	100.160.693.763	31.985.174.438	104.913.922.433	31.929.429.639
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	15.081.781.272	15.679.849.421	16.081.781.272	15.514.243.231
	<b>115.242.475.035</b>	<b>47.665.023.859</b>	<b>120.995.703.705</b>	<b>47.443.672.870</b>

**d) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (*)	83.980.489.966	20.188.142.638	84.280.489.966	20.188.142.638
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (*)	100.160.693.763	31.985.174.438	104.913.922.433	31.929.429.639
	<b>184.141.183.729</b>	<b>52.173.317.076</b>	<b>189.194.412.399</b>	<b>52.117.572.277</b>

Mối quan hệ:

(\*) Cổ đông sáng lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	769.839.744	(176.311.739.887)	24.458.099.857
Lỗ trong kỳ trước	-	-	(10.296.809.102)	(10.296.809.102)
Số dư cuối kỳ trước	200.000.000.000	769.839.744	(186.608.548.989)	14.161.290.755
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	769.839.744	(206.614.302.215)	(5.844.462.471)
Lãi trong kỳ này	-	-	3.584.662.351	3.584.662.351
Số dư cuối kỳ này	200.000.000.000	769.839.744	(203.029.639.864)	(2.259.800.120)

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	62.494.810.000	31,25%	62.494.810.000	31,25%
Công ty Tôn Phương Nam	10.000.000.000	5,00%	10.000.000.000	5,00%
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	14.000.000.000	7,00%	14.000.000.000	7,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	14.000.000.000	7,00%	14.000.000.000	7,00%
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	11.999.090.000	6,00%	11.999.090.000	6,00%
Các cổ đông khác	87.506.100.000	43,75%	87.506.100.000	43,75%
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
<b>d) Cổ phiếu</b>	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>e) Các quỹ công ty</b>	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	769.839.744	769.839.744
	<b>769.839.744</b>	<b>769.839.744</b>
<b>17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG</b>		
<b>a) Tài sản thuê ngoài</b>		
<p>Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2008 đến năm 2048. Diện tích khu đất thuê là 22.400 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.</p>		
<b>b) Ngoại tệ các loại</b>	30/06/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	204,62	204,62
<b>18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng	462.839.622.678	547.566.586.089
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	28.613.316.509	7.673.576.344
Doanh thu bán phế liệu	8.674.197.623	7.894.120.816
	<b>500.127.136.810</b>	<b>563.134.283.249</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<b>245.575.834.260</b>	<b>271.259.957.355</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	4.919.977.525
Giảm giá hàng bán	43.110.958	96.505.886
	<b>43.110.958</b>	<b>5.016.483.411</b>

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	458.104.734.491	543.121.776.824
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	24.716.251.940	8.958.576.282
Giá vốn phế liệu	9.057.025.926	7.928.833.117
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.137.304.255)
	<b>491.878.012.357</b>	<b>558.871.881.968</b>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	82.914.780	53.687.706
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	28.927.429	-
	<b>111.842.209</b>	<b>53.687.706</b>

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	4.800.215.785
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	6.008.590	13.873.523
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	311.227.811	467.928.236
	<b>317.236.401</b>	<b>5.282.017.544</b>
Chi phí hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	-	<b>4.237.079.838</b>

**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.121.290	-
Chi phí nhân công	724.954.376	636.824.865
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	203.709.709
Chi phí khác bằng tiền	143.665.828	1.600.000
	<b>872.741.494</b>	<b>842.134.574</b>



**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.462.492	71.456.273
Chi phí nhân công	1.528.706.164	1.426.351.736
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.919.365	51.522.756
Thuế, phí, lệ phí	34.600.000	34.600.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	853.842.281	935.527.133
Chi phí khác bằng tiền	1.018.236.670	597.721.880
	<b>3.542.766.972</b>	<b>3.117.179.778</b>

**25 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Tiền thu từ bồi thường hợp đồng	188.592.879	-
Thu nhập khác	774	-
	<b>188.593.653</b>	<b>-</b>

**26 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	123.000.000	180.750.000
Chi phí khác	66.042.139	174.332.782
	<b>189.042.139</b>	<b>355.082.782</b>

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.584.662.351	(10.296.809.102)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	3.112.005.929
- Chi phí lãi vay không được trừ	-	3.112.005.929
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.584.662.351)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(3.584.662.351)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	(7.184.803.173)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20'</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	3.584.662.351	(10.296.809.102)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.584.662.351	(10.296.809.102)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>179</b>	<b>(515)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	457.475.297.620	588.471.431.524
Chi phí nhân công	7.622.861.558	6.825.796.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.544.768.420	13.937.642.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.436.231.167	12.446.330.042
Chi phí khác bằng tiền	2.440.066.396	3.371.810.906
	<b>497.519.225.161</b>	<b>625.053.011.611</b>

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.297.215.930	-	17.828.849.739	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.313.895.615	-	1.953.554.016	-
	<b>27.611.111.545</b>	<b>-</b>	<b>19.782.403.755</b>	<b>-</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			199.222.965.001	205.276.193.671
Phải trả người bán, phải trả khác			161.582.974.839	164.241.599.702
Chi phí phải trả			19.319.023.755	18.613.005.589
			<b>380.124.963.595</b>	<b>388.130.798.962</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.297.215.930	-	-	22.297.215.930
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.313.895.615	-	-	5.313.895.615
	<b>27.611.111.545</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>27.611.111.545</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.828.849.739	-	-	17.828.849.739
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.953.554.016	-	-	1.953.554.016
	<b>19.782.403.755</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19.782.403.755</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Vay và nợ	115.242.475.035	83.980.489.966	-	199.222.965.001
Phải trả người bán, phải trả khác	161.582.974.839	-	-	161.582.974.839
Chi phí phải trả	19.319.023.755	-	-	19.319.023.755
	<u>296.144.473.629</u>	<u>83.980.489.966</u>	<u>-</u>	<u>380.124.963.595</u>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Vay và nợ	120.995.703.705	84.280.489.966	-	205.276.193.671
Phải trả người bán, phải trả khác	164.241.599.702	-	-	164.241.599.702
Chi phí phải trả	18.613.005.589	-	-	18.613.005.589
	<u>303.850.308.996</u>	<u>84.280.489.966</u>	<u>-</u>	<u>388.130.798.962</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông sáng lập
Công ty Tôn Phương Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	Cổ đông sáng lập
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Cổ đông sáng lập

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 15.)



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>245.575.834.260</b>	<b>271.259.957.355</b>
Công ty Tôn Phương Nam	245.575.834.260	271.259.957.355
<b>Mua hàng</b>	<b>-</b>	<b>97.641.674.598</b>
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	-	97.641.674.598
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>-</b>	<b>4.237.079.838</b>
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	-	4.237.079.838

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

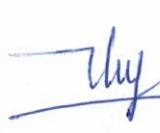
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>46.986.940.134</b>	<b>47.586.940.134</b>
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	44.803.673.636	45.403.673.636
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	2.183.266.498	2.183.266.498
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>-</b>	<b>4.499.999.993</b>
Công ty Tôn Phương Nam	-	4.499.999.993
<b>Chi phí phải trả</b>	<b>14.670.245.390</b>	<b>14.641.739.452</b>
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	14.670.245.390	14.641.739.452
<b>Phải trả khác</b>	<b>58.439.863.005</b>	<b>58.412.624.144</b>
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	30.966.058.144	30.966.058.144
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	10.158.875.813	10.158.875.813
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	17.314.929.048	17.287.690.187


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	167.204.620	165.050.666
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	124.500.000	124.500.000

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

  
Võ Thị Thủy  
Người lập

  
Trần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Huy Thọ  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2020